

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3509 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 8 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp áp dụng tại  
Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Văn bản số 587/STP-VP ngày 12 /7/2021 và Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 1200 /SKHCN-TĐC ngày 16/8/2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 43 (bốn mươi ba) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện sửa đổi, bổ sung quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh để áp dụng thống nhất tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC<sub>1</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Lĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TƯ PHÁP ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3509 /QĐ-UBND ngày 30 / 8 /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ  
CỦA NGÀNH TƯ PHÁP ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH (23 TTHC)</b>				
1	Đăng ký khai sinh	Trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn).</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Ngay trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn).</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình</p>	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
3	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu và thời gian trả lời kết quả xác minh).</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp;</p> <p>- Miễn lệ phí đối với người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	Như trên
4	Đăng ký khai sinh lưu động	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký khai sinh lưu động	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn).</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	<p>Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND cấp xã: thực hiện đăng ký khai sinh ngay trong ngày; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay trong ngày thì tiến hành giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo.</li> <li>Sau khi đăng ký khai sinh xong, UBND cấp xã có trách nhiệm lập và chuyển hồ sơ đăng ký thường trú và hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi đến cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 01 ngày làm việc.</li> <li>- Cơ quan đăng ký cư trú và Bảo hiểm xã hội cấp huyện thực hiện đồng thời việc đăng ký</li> </ul>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn).</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp thẻ bảo hiểm y tế.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký cư trú.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Luật Cư trú năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013);</li> <li>- Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014);</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của liên Bộ: Tư pháp, Công an, Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi trong thời hạn cụ thể như sau:</p> <p>+ Cơ quan đăng ký cư trú: không quá 07 ngày làm việc.</p> <p>+ Bảo hiểm xã hội cấp huyện: không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định mà UBND cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan đăng ký cư trú, Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 01 ngày làm việc.</p> <p>Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc cơ quan đăng ký cư trú từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn,</p>			<p>ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi;</p> <p>- Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú;</p> <p>- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;</p> <p>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Quyết định 31/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy chế thực hiện liên thông các thủ tục hành</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 03 ngày làm việc.			<p>chính: đăng ký khai sinh, Đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;</p> <p>- Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, Đăng ký thường trú và Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>- Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p>
6	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - UBND cấp xã: thực hiện đăng ký khai sinh ngay trong ngày; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ mà không giải	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn).</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng;</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014);</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>quyết được ngay trong ngày thi tiến hành giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi đăng ký khai sinh xong, UBND cấp xã có trách nhiệm lập và chuyển hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi đến Bảo hiểm xã hội cấp huyện trong thời hạn 01 ngày làm việc.</p> <p>- Bảo hiểm xã hội cấp huyện thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định mà UBND cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài</p>		<p>người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp thẻ bảo hiểm y tế.</p>	<p>tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của liên Bộ: Tư pháp, Công an, Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi;</p> <p>- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>thêm không quá 01 ngày làm việc.</p> <p>Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 03 ngày làm việc.</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, Đăng ký thường trú và Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</li> <li>- Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn,</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
7	Đăng ký kết hôn	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo). Trường hợp cần phải xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>Miễn lệ phí</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
8	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí đối với người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Như trên
9	Đăng ký kết hôn lưu động	Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.	Trực tiếp tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Miễn lệ phí	Như trên
10	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai tử quá hạn).	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo).</p> <p>Trường hợp cần phải xác minh thì không quá 03 ngày làm việc.</p>		<p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p>
11	<p>Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã</p>	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp;</p> <p>- Miễn lệ phí đối với người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc</p>	<p>Như trên</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo).		hộ nghèo; người khuyết tật.	
12	Đăng ký khai tử lưu động	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp (áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai tử quá hạn).</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> </ul>	Như trên
13	Đăng ký giám hộ	Trong 03 ngày làm việc, sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</li> </ul>
14	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Trong 02 ngày làm việc, sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	Như trên
15	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Trong 03 ngày làm việc, sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 20.000 đồng/trường hợp;</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		không quá 08 ngày làm việc.		hộ nghèo; người khuyết tật.	<p>tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p>
16	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước	Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	- Lệ phí: 20.000 đồng/trường hợp;	Như trên



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	ngoài tại khu vực biên giới	hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc.	quả UBND cấp xã	- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
17	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Lệ phí: - Đăng ký khai sinh: 10.000 đồng/trường hợp (áp dụng đối với trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn); - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 20.000 đồng/trường hợp; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					quản lý của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
18	Đăng ký lại khai sinh	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					quản lý của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
19	Đăng ký lại kết hôn	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					quản lý của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
20	Đăng ký lại khai tử	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Như trên
21	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.			<p>năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p>
22	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/trường hợp;</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu và thời gian trả lời kết quả xác minh).	quả UBND cấp xã	cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
23	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Phí: 8.000 đồng/bản.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (03 TTHC)</b>				
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 400.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha đẻ hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				có công với cách mạng nhận con nuôi.	<p>giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Quyết định số 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Quyết định số 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
3	Giải quyết việc người nước	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày	Bộ phận Tiếp nhận	Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<p>nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan và có văn bản gửi Sở Tư pháp xin ý kiến: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp xã;</li> <li>- UBND cấp xã đăng ký việc nuôi con nuôi và giao nhận con nuôi: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.</li> </ul>	và Trả kết quả UBND cấp xã		
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (11 TTHC)</b>				
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 03 trở lên thì mỗi trang thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi	quả UBND cấp xã	không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	<p>bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên;</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			- Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Phí: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	Như trên
3	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Phí: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
4	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Như trên
5	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	Phí: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ 03 trở lên thì mỗi trang thu 1.000 đồng/trang	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đồng, giao dịch đã được chứng thực	việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	quả UBND cấp xã	nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	
6	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Như trên
7	Chứng thực di chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày	Bộ phận Tiếp nhận	Phí: 50.000 đồng/di chúc	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	và Trả kết quả UBND cấp xã		
8	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Phí: 50.000 đồng/văn bản	Như trên



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Phí: 50.000 đồng/văn bản	Như trên
10	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Phí: 50.000 đồng/văn bản	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
11	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch;</li> <li>- Quyết định số 1088/QĐ-BTP ngày 18/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (02 TTHC)</b>				
1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;</li> <li>- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật;</p> <p>- Quyết định số 40/QĐ-BTP ngày 08/01/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</p>
2	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Như trên	Không	Như trên
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (04 TTHC)</b>				
1	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	<p>- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;</p> <p>- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT42P-UBTU'MTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;</p> <p>- Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên
3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên.	Như trên	Không	Như trên
4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.</li> </ul>	Như trên	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở;</li> <li>- Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

